

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2021/DS-ST

Ngày: 03-3-2021

“V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự”
(giữa NH T và anh N)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Phụng;

2. Ông Nguyễn Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2020/TLST - DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T**; địa chỉ: đường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc (Giấy chứng nhận ĐKDN Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 39, ngày 26/01/2018, Quyết định số: 6363/2017/QĐ-NS ngày 25/7/2017);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Cao Hồng S - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 04/02/2016 và Giấy ủy quyền số: 3978/2019/GUQ - PL ngày 16/12/2019 và Quyết định số: 11791/2018/QĐ-NS ngày 08/11/2018); ông Cao Hồng S ủy quyền lại cho: Bà Đặng Huỳnh N – Phó Phòng Thu hồi nợ Tín dụng tiêu dùng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T Chi nhánh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền số: 138/2020/QU- CNVL ngày

19/8/2020); địa chỉ: Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm: 1988; địa chỉ: phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 28/8/2020 nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm do bà Đặng Huỳnh N làm đại diện trình bày:

Ngày 04/3/2019 Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T (gọi tắt là Ngân hàng T) có ký Hợp đồng cấp thẻ tín dụng: số thẻ 356480-5552 với anh Nguyễn Văn N để vay 15.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trong hạn 2,5%/năm (lãi suất cố định), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn tương ứng 3,75%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, hình thức trả lãi hàng tháng, mỗi tháng trả nợ gốc 05% trên tổng số tiền vay cuối kỳ. Để thực hiện Hợp đồng anh N có trách nhiệm thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận vào ngày 22 dương lịch hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày 22/4/2019. Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh N vi phạm nghĩa vụ trả nợ **tính đến ngày 28/8/2020** anh N còn phải thanh toán cho Ngân hàng T 17.382.987đ. Nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Như yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh N trả 17.382.987đ (**trong đó: tiền gốc 12.738.647đ, tiền lãi quá hạn 4.644.340đ**); Ngân hàng T yêu cầu tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng hai bên thỏa thuận đến khi anh N trả hết nợ.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Hợp đồng cấp thẻ tín dụng: số thẻ 356480-5552 gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng; tờ trình cấp thẻ tín dụng tín chấp, sao kê tiền gốc-lãi đến xử sơ thẩm. Ngoài ra, còn có các tài liệu, chứng cứ cần thiết khác đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng anh N vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định. Do đó, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bị đơn anh N không tham gia và không tiến hành hòa giải được với nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà N đại diện cho Ngân hàng T có đơn xin vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu trong đơn kiện kèm theo bảng kê tính lãi đến ngày xử, nguyên đơn yêu cầu **tiền lãi quá hạn** phát sinh **từ ngày 29/8/2020** đến ngày xét xử sơ thẩm (**03/3/2021**) là **3.096.720đ**. Tổng cộng là 20.479.707đ (trong đó: Nợ gốc **12.738.647đ**; nợ lãi 7.741.060đ); anh N vắng mặt tại phiên tòa đến lần hai không có lý do. Đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu **anh N trả** 20.479.707đ, anh N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết, xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xác định đây là Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; anh N trú tại, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

Về điều kiện thụ lý: Hợp đồng được các bên ký kết còn trong hạn thực hiện nhưng anh N vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận trả nợ gốc và lãi tại Hợp đồng, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nợ bằng văn bản, khi thụ lý Tòa án đã thông báo theo trình tự tố tụng anh N nhận nhưng không có ý kiến phản đối. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 428 của Bộ luật Dân sự, xét thấy Ngân hàng khởi kiện là đủ điều kiện thụ lý để giải quyết khi hợp đồng vẫn còn trong hạn thực hiện.

Bà Như có đơn xin xử vắng mặt; anh N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

[2.1] Về tiền gốc: Căn cứ Hợp đồng cấp thẻ tín dụng: số thẻ 356480-5552 gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng; tờ trình cấp thẻ tín dụng tín chấp được ký giữa Ngân hàng T và anh N, hợp đồng thể hiện thẻ phát hành số tiền 15.000.000đ là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh N biết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T và các thủ tục tố tụng anh N đã nhận hợp lệ theo đúng quy định nhưng vẫn vắng mặt, anh N vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại Hợp

đồng, chứng cứ nguyên đơn đưa ra để xác định yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, Ngân hàng T yêu cầu anh N trả **tiền gốc 12.738.647đ** là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2.2] Về tiền lãi: Căn cứ Hợp đồng hai bên có thỏa thuận lãi suất, xét thấy sự thỏa thuận mức lãi của các đương sự không phụ thuộc vào Bộ luật Dân sự mà được điều chỉnh theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), hai bên thỏa thuận lãi suất là tự nguyện nên căn cứ các điều 91, 95, 98 và Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về việc Hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu buộc anh N phải trả tiền lãi phát sinh **từ ngày 29/8/2020** đến ngày xét xử sơ thẩm (03/3/2021) theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở chấp nhận, tiền lãi **được chấp nhận là 7.741.060đ**.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T; buộc anh N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 20.479.707đ (trong đó: Nợ gốc **12.738.647đ**; nợ lãi 7.741.060đ)

[3] Về án phí: Ngân hàng T yêu cầu anh N trả 20.479.707đ, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu (05% của giá trị tranh chấp) là 1.024.000đ; hoàn trả cho Ngân hàng T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, **khoản 3 Điều 228, Điều 238** của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng các điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; Áp dụng các điều 428, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T;

Buộc anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T 20.479.707đ (trong đó: Nợ gốc 12.738.647đ; nợ lãi 7.741.060đ)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (04/3/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp thẻ tín dụng: số thẻ 356480-5552 ngày 04/3/2019.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/ Buộc anh Nguyễn Văn N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.024.000đ (một triệu, không trăm hai mươi bốn ngàn đồng);

2.2/ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 435.000đ (bốn trăm ba mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số N⁰ 0005764 ngày 13/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Loan

